

# TRƯƠNG VĨNH KÝ, con người và sự nghiệp

Lê Văn Đăng

## I. MỘT ẨM SĨ NƠI CHỖN PHỒN HOA

*Chi bằng thủ phận an tâm, cứ nước mình mà đi,*

*Cứ phiên mình mà làm, cứ phận mình mà giữ thì là hơn.*

Trương Vĩnh Ký

*Chiếc thuyền câu dậu dậu nên đở,*

*Ở lúc loạn triều giàu có làm chi.*

Câu hát (Miscellanées n°1)

Ông nhận mình là ẩn sĩ. Chính là đại ẩn sĩ ở giữa cảnh đô thị phồn hoa. Lê Văn Siêu

**Trương Vĩnh Ký** (1837-1898), người xã Cái Mơn, quận Đơn Nhơn, tỉnh Vĩnh Long, con thứ ba của ông Trương Chánh Thi và bà Nguyễn Thị Châu, là một học giả nổi tiếng trong khoảng nửa đầu thế kỷ thứ XIX. Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ, được mẹ hết lòng nuôi dạy. Lúc sáu tuổi, theo học chữ Nho, rồi học chữ Quốc Ngữ. Với tư chất thông minh, ông biết rất nhiều ngoại ngữ như Pháp, Hán, Xiêm, Lào, Miên, Hy Lạp, La Tinh, Anh, Nhật, Ấn Độ. Ông giảng dạy và là giám đốc trường Thông Ngôn (Collège des Interprètes) trong khoảng 1864-1868. Tháng 8 năm 1869, ông trông coi bài vở cho tờ *Gia Định báo* ra đời năm 1865, tờ báo Việt ngữ đầu tiên ở nước ta, với dụng ý truyền bá chữ Quốc Ngữ, trau dồi văn chương nước nhà. Từ năm 1873, ông dạy chữ Hán và Quốc Ngữ tại trường Tham Biện (Collège des Stagiaires), hai năm sau ông được cử làm chánh đốc học của trường.

**Sự nghiệp văn học** của ông gồm: phiên âm văn Nôm, khảo cứu về khoa học, văn học, và chế độ nước nhà, sưu tầm ca dao, tục ngữ, cổ tích của ta, dịch thuật ngoại văn ra quốc ngữ ... Các tác phẩm của ông có thể chia làm hai loại, phần lớn là sách giáo khoa:

– **Loại sáng tác, khảo cứu, sưu tập chú giải** gồm có Bài hịch con quạ, Bất cượng chú cượng làm chi, Phép lịch sự Annam, Kiếp phong trần, Lục súc, Ước lược truyện tích nước Annam, Chuyện đời xưa, Chuyện khôi hài, Phong hóa điều hành (gồm 75 chuyện), Cờ bạc nha phiến, Thịnh suy bỉ thối, Học trò khó phú, Dư đồ thuyết lược (Précis de géographie), Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine, Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi (1875), Sách dạy chữ Quốc Ngữ, Sách dạy chữ Nho, Mẹo luật dạy tiếng Pha-lang-sa, Petit dictionnaire français-annamite, và rất nhiều sách viết bằng Pháp ngữ.

– **Loại phiên dịch chú giải** văn Hán Nôm ra chữ Quốc Ngữ gồm có Kim Vân Kiều, Đại Nam Cuộc Sử Kí Diễn Ca, Gia huấn ca của Trần Hy Tăng, Lục súc tranh công, Nữ Tắc, Thơ dạy làm dâu, Huấn nữ ca của Đặng Huỳnh Trung, Phan Trần truyện, Lục Vân Tiên truyện, Trương Lưu Hầu phú, Tam tự kinh, Minh tâm bửu giám, Tứ Thư: Đại học, Trung dung, Luận Ngữ và Mạnh Tử.

Lê Văn Siêu, trong Văn Học Sử Kháng Pháp, đã viết về văn nghiệp của ông:

Thật chưa có gì đáng được kể là tác phẩm lớn. Nhưng giá trị của ông là giá trị của người dùng chữ Quốc ngữ đầu tiên trong việc trước tác để từ đó mở ra một đà tiến mới cho dân tộc.

... Sau ông đã có nhiều người nối tiếp công việc của ông nhờ sẵn nền tảng. Nhưng hồi sinh tiền của ông thì trước đã không có ai nên ta cảm thấy cái khó lại càng khó hơn. Đó chính là sự nghiệp mà người đời phải nhớ ơn ông vậy.

Về thái độ trí thức, Lê Văn Siêu nhận xét:

Ông được người đời mến chính nhờ thái độ trí thức của ông, là người biết bỏ tham vọng làm quan, để tránh đụng độ trong cái thời thế hết sức khó xử. Ông nhũn nhặn trong vai một người thông ngôn, một viên chức nhỏ, một giáo sư, và một nhà nghiên cứu, không hống hách gây gổ với ai như Tôn Thọ Tường, không nịnh bợ tâng công làm hại ai như Trần Bá Lộc và nhất là không lên mặt dạy khôn ai về chánh trị.

Đó là một người khôn hơn cả, khi bị ép phải đứng giữa cuộc tương tranh ông đã mặc người đời, càng quên mình đi lại càng hay, để khỏi phải ngã hẳn một thái độ nào, trắng hay đen lúc ấy cũng đều khó nói và không tiện nói cả. Ông nhận mình là ẩn sĩ. Chính là đại ẩn sĩ ở giữa cảnh đô thị phồn hoa. Ông không góp lời góp ý với bên này hay bên kia, trong cuộc xướng họa thơ giữa Tôn Thọ Tường và Phan văn Trị. Mà trong việc phải làm thông ngôn giữa Nam Triều và chính quyền thuộc địa, ông cũng không ngã hẳn về bên này hay bên nọ để gây khó thêm, mà còn cố dàn hoà để vớt vát được chút gì cho đất nước là hay chút ấy. ... Ít có người nào sống giữa thời thế khó khăn như vậy, mà không bị điều tai tiếng gì cả. Bài thơ cuối cùng của ông tự điều mình, càng cho thấy rõ thái độ tri thức nhũn nhặn và đáng mến của ông:

Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quai	逃逃靚靚塢塘乖
Xô đẩy người vô giữa cuộc đời	摳摳馱馱舛舛局菘
Học thức gởi tên con một sách	學識掇銘昆蠚册
Công danh rớt cuộc cái quan tài	功名粹局丐棺材
Đạo hèn lữ kiến men chân bước	蹠坳僂覬糞躡跽
Bò xối con sùng chắc lưỡi hoài	踣灑昆蠚噉舄懷
Cuốn sổ bình sanh công với tội	卷数平生功尔罪
Tìm nơi thẩm phán để thừa khai	尋坭審判抵噉開

Dù có người trách thái độ không vấn thân của ông là lẩn trốn hay gì nữa, ông vẫn có quyền không hổ với lương tâm mình là một kẻ sĩ.

Ông mất ngày 1-9-1898, tại chợ quán, thọ 61 tuổi.

## II. MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

*Xin chân thành cảm tạ G.S Nguyễn Văn Sâm đã cho mượn tư liệu phong phú về Trương Vĩnh Ký dùng trong phần này. L.V.Đ.*

**1. Phong Hoá Điều Hành** (Morale en Actions) gồm 75 truyện văn xuôi, sưu tập đó đây, với mục đích hướng dẫn người đọc thông biết Phong hoá chính. Soạn giả giới thiệu:

*... Trong sách ta làm đây, có ý giúp dạy phong hóa, mà ăn ở cho phải phép; lại trong sách này, sẽ gặp đặng nhiều gương có danh tiếng những kẻ đã theo phong hóa thật. Sau nữa, cũng gặp những lời ta thêm mà kết đón lại cho đặng hiểu rõ gương ta trưng; lại bằng ai thông thái một ít thì sẽ biết các truyện trong sách này, đã lựa bởi sách các tấn sĩ có danh tiếng, mà làm ra ...*

Sau đây là truyện ngắn nhất: 3. Vua Luy thứ XIII.

*Ông lớn kia, tên là de Retz, khuyên vua Luy thứ XIII rằng: Hễ kẻ làm lớn thật, thì phải có lòng thương dân; dầu đang thắng trận khải hoàn, cũng lấy sự thương dân làm trọng hơn mọi sự. Và các kẻ làm lớn, hễ có đi viếng dân, thì chớ khá làm như sông chảy mạnh, mà phá lở các sự ở dọc bờ sông, song phải làm như nước sông đầy, tràn ra các ơn cho dân nhờ mà thôi.*

**2. Cờ bạc nha phiến** (Des jeux de hasard et de l'opium.)

Sách vạch rõ điều hại của hai tai ách lớn trong xã hội, khuyên răn người đời lánh hai cái hư là Cờ bạc, Hút xách, đã vô ích mà lại thâm hại của tiền, tổn trí, hao sức lực, làm có cho vợ con phiến hà. Sa cơ nghiêng nghèo, lỗi đạo nhà, mắc phép nước, mà lụy đến mình; phải tội vạ, lìa vợ bỏ con, thất thổ vong hương, cực thân khôn nạn chẳng ra gì (trích lời dẫn thơ *Quê phụ đổ yên giải*).

Về cờ bạc, ngoài các nhận xét Pétrus Ký, phân tích lợi hại, Soạn giả có thêm bài thơ của Hai Đức (*Quê phụ đổ yên giải*, Vợ khuyên chồng thơ I & II).

*Cờ bạc ơi là cờ bạc!*

*Ấy nát cửa hại nhà, tán gia bại sản, mang nghèo mang khổ, vợ chồng phân rẽ, thân sơ thất sở, cũng bởi vì mây.*

Về nha phiến, có phần tìm hiểu về vật thể, phân tách lợi hại:

*Nha phiến cứu binh như thần, sát nhọn như kiếm.*

*... Thật thường là những người phong lưu giàu có, nhọn cầu vui mà mắc tật ghiền, chớ chẳng ai muốn ghiền làm chi. Mà bởi dĩ lỡ ra rồi, bỏ đi thì nó sanh đau đớn bệnh hoạn khó lòng, nên cũng thả trôi đi vạ cho qua đời.*

Trót vì tay đã nhúng chàm, dại rồi còn biết khôn làm sao đây!

Sau đó ông sưu tập bốn bài thơ (*Giải nha phiến từ, Chúc từ, Tờ đề nha phiến, Văn tế nha phiến*), dẫn như sau:

*Từ xưa đến nay biết là mấy bài giải Nha phiến, người trí từng trải đã làm ra mà chê, cho người ta lánh! Biết là bao nhiêu thơ phú kẻ văn thi đã đặt ra mà bao biếm, cho người ta biết mà chừa cải!*

*Ta đem các bài thơ ấy liền sau này, có chú giải cho rõ nghĩa, cho người ta tỏ biết, ai ai cũng đồng một tiếng mà chê sự dùng nha phiến quá độ, sái cách là thế nào.*

**3. Cours d'histoire annamite** à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine.

Sách gồm hai tập, viết bằng tiếng Pháp. Tập 1 đã bị thất lạc; tập 2 dày 278 trang, gồm hai triều Lê Nguyễn (Gia Long), trong các năm 1428-1875. Tập sử chấm dứt vào lúc các tỉnh miền Tây lần

lượt rơi vào tay giặc Pháp: các tỉnh Vĩnh Long (20-6-1867), Châu Đốc (22-6-1867), Hà Tiên (24-6-1867), thất thủ dưới đề đốc De la Grandière trong vòng bốn ngày!  
Saigon: Imprimerie du Gouvernement, 4<sup>e</sup> Édition, 1887; 20cm.

#### 4. Đại Nam Cuộc sử kí diễn ca 大南國史記演歌

Sách do Lê Ngô Cát, quan sử quán (năm Tự-đức thứ 12), soạn vào năm 1860 bằng thơ theo thể 6-8. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ có thêm niên biểu các đời vua từ Hồng-bàng đến Tự-đức.

Sài Gòn: Bản in nhà nước 1875 (58 trang, 20 cm)

Sau đây là trang đầu sách của Lê Ngô Cát và phần phiên âm của Trương Vĩnh Ký.

大南國史演歌	ĐẠI NAM CUỘC SỬ DIỄN CA
旣秋返會昇平	Ngàn thu gặp hội thăng bình,
耨圭糊歷文明神丕	Sao Khuê rạng vẻ văn minh giữa trời.
蘭臺停筆清台	Lan đài đình bút thanh thời,
啣兜國語演喇史撐	Vâng xem quốc ngữ diễn lời sử xanh.
南交羅埃離明	Nam-giao là cõi Ly-minh,
天書定分伶伶自初	Thiên thư định phận rành rành từ xưa.
廢興樹余局棋	Phé hưng đổi mấy cuộc cờ,
是非割抵鏖暴夕麴	Thị phi chép để đến giờ làm gương.
計自丕翺炎邦	Kể từ trời mở Viêm-bang,
初頭固戶鴻龐買黜	Sơ đầu có họ Hồng-bàng mới ra.
孫莪炎帝次巴	Cháu đời Viêm đế thứ ba,
蹊泭火德噲羅炎明	Nói dòng Hoả-đức gọi là Đế-minh.
觀風欺駕南行	Quan phong khi giá nam hành,
哈堉梅領緣生藍橋	Hay đầu Mai-lãnh duyên sanh Lam-kiều.

#### 5. Lục súc 六畜 Lục súc là sáu con vật người ta nuôi .

Sách mô tả các gia súc: ngựa, trâu, bò, dê, gà, vịt, ngỗng, bò câu, chó, mèo, và heo. Ngoài bài học luân lý mà soạn giả nêu ra ở đầu sách, 22 trang Lục Súc còn có thể giúp học sinh bậc trung học bổ túc các bài học vạn vật.

Ta đem riêng ra đây phân loại, có ý nói dẫn cho rõ hơn, cùng đem cái thơ Lục Súc tranh công là thơ người ta nói vua Thiệu-trị làm ra mà ngăn lòng đình thần hay tranh đua với nhau ...

... Ai đều có phận riêng nấy; ai cũng không sướng hơn ai, mà cũng chẳng cực hơn ai: mỗi người riêng mỗi phận, riêng mỗi kiếp. Nên cứ phân bì ganh gổ nhau làm chi vô ích? Cũng chẳng nên chê bai khinh bạc lẫn nhau vô lối: vì phải nhớ trời đã sinh ra nhơn nhơn các hữu kỳ tài, vật vật các hữu kỳ ích.

Lục súc còn có vẽ đá gà (trang 10-12), bò câu phú có chú thích (trang 13-18)  
Saigon: Imprimerie la Mission, 1887.(22 trang; 25 cm.)

## 6. Cổ Kim Gia Định phong cảnh vịnh 古今嘉定風景詠

Trương Vĩnh Ký sưu tập, dẫn và chú thích.

Cái điệu vịnh Gia Định không rõ là của ai làm. Có người nói của ông Ngô Nhân Tĩnh ngụ xứ Trà Luộc làm ra mà chơi.

... Vịnh nói về địa cảnh đất Sài Gòn thuở trước Tây chưa lấy:

*Phủ Gia Định, phủ Gia Định nhà đủ người no chốn chốn,  
Xứ Sài Gòn, xứ Sài Gòn, ở ăn vui thú nơi nơi ...*

Sau khi Gia Định thất thủ:

*Lũ Tây dương da trắng bạc, mồm giọt giọt, miệng xé rách, giống thần quỷ thần ma thần sát.  
Thương thay đất Gia Định! Tiếc thay đất Gia Định!  
Vực thẳm nên cồn, đất bằng nổi sóng ...*

## 7. Bài hịch con quạ 排檄昆鷄 (Proscription des corbeaux)

*... Hiệu là ô, tánh vốn tham ô;  
Ở đã chạ, việc ăn cũng chạ ...*

Nguyên tác bằng chữ Nôm, khuyết danh, do P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ và dẫn giải cật nghĩa. Sau đây là lời dẫn ở đầu sách:

*Hịch con quạ, cũng như hịch con chuột (Coi trong sách về Văn thi Annam) là bài văn người ta, không biết là ai cho chắc, làm ra mượn để mà răn ta, có ý dạy kẻ lòng xấu, hay kiếm phương làm hại phá phách kẻ khác, cũng như con quạ, con chuột làm vậy.*

*Văn đặt hay, đối đáp xứng câu chữ cũng đã nên là có tài. Coi mà học trước là biết văn hay, sau nữa là choặng xét mình có tính chi xấu như thể ấy, mà chưa cải đi: Vì thường việc người thì sáng mà việc mình thì quáng.*

## 8. Nữ tặc 女賊] (Devoirs des files & des femmes)

Nguyên tác bằng chữ Nôm, khuyết danh, do P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ và dẫn giải.

Sau đây là lời dẫn ở đầu sách:

*Thiên Nữ tặc này chia ra làm năm khoản. Trước hết dạy về tứ đức nữ công nữ hạnh, nét na con gái phải ở làm sao cho tử tế cho được tiếng gái lành. Thứ hai, khi còn tại gia, phải thờ cha kính mẹ thế nào. Thứ ba, khi đã xuất giá lấy chồng, thì phải tề gia nội trợ làm sao? Ở với chồng làm sao cho phải đạo? Thứ tư, ở sao cho vừa ý đẹp lòng cha mẹ chồng? Thứ năm, khi có thai có nghén phải giữ những điều gì? Phải kiêng cử những vật chi?*

*Thật kẻ làm Nữ tặc này là người từng trải việc đời dạy ăn chín chắt không sót điều gì; lời nói không dụng tiếng cao kỳ, cứ thường thiệt sự mà nói rõ ràng dễ hiểu.*

*Ta khuyên con gái biết chữ nàng coi nàng đọc mà suy, hay là học thuộc lòng đi thì lại càng hay; để mà nhớ việc mình phải giữ, phải kiêng, phải dè. Gái mà ở đặng như vậy thì là quý giá lắm; cha mẹ dẫu yêu, chồng con tưng trọng, đẹp mặt nở mày cho tông môn cả hai bên; lại được bia danh ra trong thiên hạ.*

P.J.B. Trương Vĩnh Ký

Saigon: Imprimerie F-H.Schneider 1991. (27 trang; 20 cm.)

## 9. Học trò khó phú 寒儒風味賦 hàn nho phong vị phú (Un lettré pauvre)

Nguyên tác bằng chữ Nôm, trào Lê, tỉnh Hà Nội, học trò Giám, tên Nguyễn Thế Lan làm, P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ và dẫn giải.

Bài phú bắt đầu:

Thằng cha cái khó!  
Thằng cha cái khó!  
Khôn khéo với ai,  
Vụng về với nó. (1)  
Lúc cực vẫn chương chẳng dụng,  
Tiếng quốc ngữ nào không ;  
Khi nghèo kinh huấn khôn thông,  
Lời ngạn ngôn hẳn có. (2)  
Con đặc thế tiền nhiều lúa sẵn,  
Dầu xa xuôi rừng núi cũng quen ;  
Khi thất-thì ruộng hết nhà không,  
Tuy cật ruột bà con biếng ngó. (3)  
Kìa ai bốn bức lều tranh,  
Nổi đó vài gian nhà cỏ. (4)  
Cần sơ sài khi đậu khi kê,  
Ăn hẩm hút nửa buồng nửa xó. (5) ...

Và kết cuộc:

Dẫu ai mà :  
Ruộng kim trâu cỏ,  
Sớm nở tối tàn; (6)  
Diệt chung vu thủ tiền lỗ. (7)

Trương Vĩnh Ký dẫn giải :

- (1) Thằng cha tám mươi kiếp cái sự nghèo sự khó! Khôn với ai thì còn khôn được, chớ với cái khó thì làm sao cũng vụng mà thôi.
- (2) Lời tục hay nói: xách gựa vay lúa, ai xách gựa vay chữ, cho nên đều chữ nghĩa văn chương mặc lòng mà nghèo khó, thì cũng chẳng làm gì; khi nghèo thì sách vở cũng lu, lời ngạn ngữ nói thật có. Kinh huấn 經訓 là sách vở.
- (3) Giàu có trong hang cũng kiếm, khó khăn giữa chợ không màng: Phú quý đa hơn hội, bản cùng thân thích ly 富貴多人會貧窮親釋離.
- (4) Kể sự thế người nghèo: xưa kia cũng có kẻ nghèo ở lều tranh leo heo bốn tám; nên nổi này mình cũng nhà lá vài căn lều láo
- (5) Ăn sơ sài khi thì đậu luộc, khi thì cháo hột kê, hẩm hút núp lén nửa buồng nửa xó mà ăn.
- (6) Ruộng kim trâu cỏ 曠今糞古 là ruộng nay trâu xưa; dầu ai giàu muôn hộ ruộng trâu nhiều mặc lòng, thì cũng như hoa, sớm nở tối tàn chẳng bao lâu đâu.
- (7) Diệt chung vu thủ tiền lỗ 亦終于守錢魯 = cũng rút về đũa mọi giữ của, đi lại cũng là thàng mọi giữ của đời cho chúng vậy mà thôi.

Saigon, bản in nhà hàng C. Guillard et Martinon, 1883.

**10. Thông Loại Khoá Trình 通類課程** [Miscellanées ou lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales, cantonales, et les familles, par P.J.B Trương Vĩnh Ký ] 5 xu một số, mỗi tháng một lần, ra được 18 số, [hai số đầu ghi năm 1888, không ghi tháng, 11 trang; số 3 ghi Juillet 1888 12 tháng; các số kế tiếp có ghi tháng năm, 16 trang; tám số đầu ghi 1<sup>re</sup> année (1888), mười số còn lại ghi 2<sup>e</sup> année (1889); các số cuối đổi ra, Sự Loại Thông Khảo 事類通考. Từ số 3 Juillet 1888 trở đi có thêm trang mục lục. Thông Loại Khoá Trình

là học báo ghi lại truyện xưa tích cũ, thi phú cổ kim, phương ngôn ngôn ngữ, nhơn vật nước Nam, truyện vui giải trí, câu đố, câu thai, bài học chữ nhu ngắn gọn, vài câu tiếng phangsa, có cả *coi tướng ca* của Ma-Y Thần Tướng [số 4(16), aoút 1889]. Có nhiều bài thơ dài đăng liên tiếp trong nhiều số. Qua 18 tập báo mong mông này ta có thể hình dung được phần nào con người bác học, đạo đức, nhũn nhận, hiền lành Trương Sĩ Tải.

*Nhật trình Vĩnh Ký đề ra,*

日程永記提畧

*Soạn thành một bản để mà coi chơi.*

撰成蔑本抵齋曠制

Qua mục Nhơn vật nước nam, văn tế, bài hịch, ông giới thiệu:

Nguyễn Trãi (3), Lý Thường Kiệt (3), Mạc Đĩnh Chi (4), Nguyễn Hiền (5), Phùng Khắc Khoan (6), Võ Tánh, Ngô Tùng Châu (8), Châu Văn Tiếp (9), Nguyễn Tri Phương (14), Nguyễn Bình Khiêm (15), Hà Tôn Quyền (16), Phan Lương Khê tức Phan Thanh Giản (17). Sau đây là nguyên văn bài nhơn vật nước nam:

Nguyễn Hiền 阮賢

Nguyễn Hiền là người Nam-định ở huyện Thượng-nguyên đời Trần Thái Tông, năm Thiên-ứng chánh-bình (1225) mới có 12 tuổi mà thi đỗ trạng nguyên, vì tuổi nhỏ cho về vinh quy ba năm sau mới dùng làm quan.

Thuở mới 7, 8 tuổi, học hành sáng láng quá, thiên hạ kêu là thần đồng. Có ông huyện kia thấy Nguyễn Hiền còn nhỏ mà bận áo rộng xùng xính thì ra câu đối này biểu đối thử:

*Học trò là học trò con, quần áo lon xon là con học trò.*

學徒罍學徒昆, 裙襖輪嗜罍昆學徒

Nguyễn Hiền liền đối lại rằng:

*Ông huyện là ông huyện thẳng, ăn nói lằng xằng là thẳng ông huyện.*

翁縣罍翁縣倘, 唵唵蛟囉罍倘翁縣

Ông huyện nghe câu đối có khí tượng kẻ lớn thì khen và nói ngày sau sẽ được ăn trên ngòai trước người ta.

Đến sau, có lần kia, sứ bên Bắc qua có làm bài thơ như sau này mà đố người ta chiết tự ra cho được.

*Lưỡng nhật bình đầu nhật*

兩日平頭日

*Tứ sơn điên đảo sơn*

四山顛倒山

*Lưỡng vương tranh nhứt quốc*

兩王爭一國

*Tứ khẩu tại trung gian*

四口在中間

Cả triều không ai nói đi, ông trạng Hiền mới chiết ra chữ “Điền 田”. Sứ Bắc dám kinh tài lấy làm lạ. Người làm quan tới chức công bộ thượng thư, đến khi chết rồi có lập miếu thờ, và cấp ruộng mà phụng tự.

Phần **cho hay** (trong các số 6, 11 đến số cuối), thông báo tin tức, sinh hoạt của tờ báo, v.v.

Số 6, tháng octobre 1888, năm thứ nhứt, **cho hay** nói về việc thay chú giải trong các thơ phú bằng bài rút cương truyện, in ở đầu sách, và việc mong làng *tổng chịu miêng trước* mua sách *Tứ thơ, Minh Tâm*.

Số 11, tháng mars 1889, cho ai nấy đăng hay:

... Xin kẻ coi sách hoặc có thấy lớp lang sắp đặc, hoặc có điều khoản nào chẳng ứng dụng thì xin cho ta hay mà sửa lại. Chánh ý là thuật đạo lành lẽ ngay các đấng tiên thánh tiên hiền khuyên răn, truyền thuần phong mỹ tục xưa nay cho đăng suy cổ nghiệm kim mà bả nhứt tâm hành chánh đạo 把一心行正道 mà thôi ...

Số 12, tháng april 1889, cho hay:

Ta tính in sách Minh tâm bửu giám ...

Như đất là người ta thuận mãi nhiều, thì sau ta cũng sẽ in Đại học, Trung dung, Mạnh tử, Luận ngữ, v.v. ra như vậy nữa, miễn là bán được lấy tiền mà trả tiền tổn phí mà in, cho tiện việc học, thì là toại chí, chẳng kỳ là có lợi.

Số 1, tháng mai 1889, năm thứ hai, cho hay:

Những người mua năm ngoái từ tháng một, muốn mua luôn năm thứ hai đây nữa thì xin gởi tên họ, quán làng, chỗ ở; còn tiền thì chỗ có nhiều người chung nhau lấy giấy mandat mà gởi thì tiện hơn.

12 số năm ngoái, tưởng là đóng nhập lại cho gọn, thì ra giá là 1\$; mà nay ta để 12 số vậy bao lại mà thôi thì cũng y giá trước là 0\$60 cents vậy. Ai muốn mua thì nhắn, sẽ gửi cho.

Số 2, tháng juin 1889, năm thứ hai, có báo tin:

Từ nay về sau, ta sẽ chiết những thơ phú dài quá ra từ đoạn để nối tiếp cho đến hết, cho được đem vô cho nhiều thứ: coi một khi một ít, nó không ngán không nhàm. Như Tứ thì khúc vịnh từ tháng giêng cho đến tháng chạp, nay đã trọn hết 12 tháng rồi, muốn coi luôn cho tất thì lấy ra từ số đọc thì đủ hết v.v.

Số 5, tháng septembre 1889, năm thứ hai, cho hay báo tin:

Nay thơ Lục Vân Tiên in cũng đã gần rồi, in rồi sẽ phát hành khách tại nhà in ... Bản nhỏ bán rẻ tiền cho người ta mua mà coi; chính câu, chính chữ lại không sai chạy nguyên bản.

Lại sách Tứ thơ thì ta in từ cuốn là khi Đại học 大學 trước rồi tới Trung dung 中庸 rồi tới Mạnh tử 孟子 rồi tới Luận ngữ 論語 Còn Minh Tâm 明心 thì sẽ in sau; vì chữ chưa có khắc. Khắc cho rồi Minh Tâm thượng hạ 2 cuốn tốn gần 400\$; mà vì không có tiền mà ra trước, nên còn dự để lại sau.

Xin trong tổng lý làng xã nhà thân hào gia giáo ai mộ đạo muốn sắm cho con cháu học thì ta có âm quốc ngữ một bên chữ; bên kia có lấy nghĩa đen, dưới nghĩa đen có làm nghĩa trắng là nghĩa xuôi tiếng ta cho dễ hiểu, tiện cho người ta học cho mau thông. Ta trông các nơi các xứ biết cho là sách tiện ích để mà học đua nhau mua cho con cháu coi mà giữ nề nếp xưa mà bịn phong hóa lại, thì ta nhờ tiền bạc ấy mà trả tiền tổn phí in ra trăm kia ngàn nọ cho đủ cho thiên hạ dùng, chẳng dám kể công khó nhọc lo làm ra làm chi.

Xin quý khách thấy đều quang cố cái chí người gia công lo làm mà phụ lực vào cho thành cuộc.

Số cuối cùng tháng octobre 1889, cho hay báo tin buồn:

Nay nhân vì bởi không có vốn cho đủ mà in luôn sách Thông Loại Khóa Trình nữa, nên ta cực chẳng đã phải đình in đi cho đến khi các nơi các xứ có người chịu mua trước cho đủ số ít là 2000, 2500 thì mới có lẽ mà in lại nữa được là có tiền mà trả tiền in cho ít nữa là 2/3 thì mới dám lãnh làm luôn; phải có củ đậu nấu đậu mới được. Phải chi mỗi sở tham biện anh em đồng chí lo giùm cho có được chừng 200, 250 người xin mua mà coi thì có lẽ vốn ấy nhen nhúm mà làm thì còn trông xấp xỉ đủ số phí. Phần thì bây giờ ta đang lo in các thơ văn như Vân Tiên, Thúy Kiều, Phan Trần ... lại in sách Minh Tâm, Tứ thơ, nên số phí lớn lắm không dám chắc có vốn mà làm cho đủ nữa. Năm ngoái năm nay Thông loại khóa trình có người mua hết thầy chừng ba bốn trăm; nên còn đọng lại nhiều lắm; không biết lấy đâu mà chịu tiền in. Xin văn nhơn học sĩ quang cố; tuy hữu hằng tâm mà vô hữu hằng sản thì biết làm làm sao được?



**11. Thạnh Suy Bĩ Thới Phú 盛衰否泰賦 (Caprices de la Fortune) P.J.B Trương Vĩnh Ký dẫn và chú giải.**

*Phú này, gồm 67 câu thơ, nói về làm con người ở đời thì có sự thịnh, sự suy, sự thối bỗn lúc đường con Tạo xoay đi vẫn lại ... Việc đời xây vẫn dờn đổi ... Có vậy mới từng mùi đời, mới biết thịnh suy bĩ thới.*

Saigon, bản in nhà hàng C. Guillard et Martinon, 1883.

**12. Ngư Tiều Trường Điệu 漁樵長調 (Pêcheur et Bûcheron)**

Nguyên tác bằng chữ Nôm, khuyết danh, do P.J.B Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ dẫn giải, và cắt nghĩa chỗ mắt.

Sau đây là lời dẫn ở đầu sách:

*Ca này nói về thú kẻ đánh cá, người hái củi, cũng là thú vui trong đời. Vui là lòng đã chán sự đời đi rồi, nên công danh phú quý để mặt đời đua tranh; mình cứ vui non nước rảnh rang một mình.*

*Ngư thì thông dong sớm doi tối vịnh, ngày hứng gió tối giỡn trăng; lưới chày cho no rồi lại thả câu kiếm cá bán mua gạo ăn, vịnh này qua vịnh khác, lưu linh dưới sông dưới nước; nay chích mai đêm, một bầu thế giới vui thăm ai hay?*

*Tiều thì cứ ngo ngẩn trong rừng trên núi, đi đốn củi vác đem về chợ bán, đổi gạo cơm mắm muối nuôi mình; chỉ nhờ lộc rừng củi quế dung thân, vui non vui nước bạn cùng hưu nai.*

*Người mà an phận thủ thường, tùy thì xử thế là phải lắm. Vì trong phận ở đời, sự nên hư may rủi là việc ở trời, dầu có bôn chôn cũng chẳng đặng, dầu có đổi dời cũng chẳng xong. Chi bằng thủ phận an tâm, cứ nước mình mà đi, cứ phận mình mà làm, cứ phận mình mà giữ thì là hơn.*

Saigon, Imprimerie de la Mission, 1885.

[Trang bìa khắc sai chữ NGƯ 漁 (bắt cá, đánh cá, câu cá) ra 魚 (con cá)]

**13. Kiếp Phong-trần 劫風塵 (Évènements de la Vie).**

P.J.B. Trương Vĩnh Ký viết bằng văn xuôi. Công hạ tiện lãm Sĩ-tải Trương Vĩnh Ký tập soạn 公暇便攬士載張永記集撰.

Thử nghe nhưn vật chánh, anh Trương Đại Sĩ giải thích :

*Phong trần nghĩa là gió bụi, chỉ là cái đời tạm đời gởi này, hay đổi dời biến cải, nay vậy mai khác, vui đó buồn đó, giàu đó nghèo đó, sướng đó cực đó ... vinh nhục bĩ thới đắp đổi ; ấy là cuộc bể giâu thương tang.*

Anh Trương nói tiếp :

*Cuộc bể giâu thương tang là cuộc còn hoá vực, vực hoá còn ... Trong sách Lý-khí, người ta có luận rằng : Có một ông già kia ở chòi gần mé biển, thấy trong cối hồng trần này, hể 30 năm thì có một lần biển nhỏ, mà hể 300 năm thì có một lần biển lớn thì trời đất đổi xây còn hoá nên vực, vực biển hoá nên còn ; biển cạn thành cồn trồng giâu được cũng có ; đất liền lở sâu thành biển cũng có ...*

Saigon, bản in nhà hàng C. Guillard et Martinon, 1882.

### III. TRÍCH THƯ MỤC TRƯỞNG VĨNH KÝ

#### A. THƯ VIỆN VIỆN ĐÔNG BẮC CỔ HỌC VIỆN

- Abrégé de Grammaire annamite. Saigon, 1867
- Alphabet quốc ngữ en 12 tableaux avec des exercices de lecture. - 4e édition. Saigon, 1887.- 5e éd. Saigon, 1895.
- Bài hịch con quạ. Proscription des corbeaux. Saigon 1983.
- Bất cưỡng, chớ cưỡng làm chi. [Fairs ce que dois.] 2e édition. Saigon, 1885.
- Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876). [Voyage au tonkin en 1876] Saigon, 1881.
- Chuyện đời xưa lựa. Contes annamites. Saigon, 1888.
- Nouvelle édition. Quy Nhơn, 1909.
- Chuyện khôi hài, Passe-temps. Saigon, 1882.
- Cờ bạc nha phiến. Bằng tiếng thường và văn thơ. Des jeux de hasard et de l'opium. En prose et en vers. 2<sup>e</sup> éd. Saigon, 1898.
- Cours d'annamite. Saigon, s.d. (Autogr.)
- Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine. Saigon. 1875-1877, 2 vol.
- Cours pratique de caractères chinois. Saigon, 1875.
- Dư đồ thuyết lược. Précis de géographie. Tân Định (Saigon), 1887.
- Grammaire de la langue annamite. Saigon, 1883.
- Guide de la conversation annamite. 2<sup>e</sup> édition. Saigon, 1885.
- Học trò khó phú. Un lettré pauvre. Saigon, 1883.
- [Lettres sur la naturalisation des indigènes de Cochinchine] - (S.I.n.d). (Autogr.)
- Lục súc. Les six animaux domestiques. Saigon, 1887.
- Manuel des écoles primaires ou Simples Notions sur les sciences, à l'usage des jeunes élèves des écoles de l'Administration de la Basse-Cochinchine. 1<sup>er</sup> volume: 1<sup>o</sup> Syllabaire quốc ngữ ; 2<sup>o</sup> Histoire annamite; 3<sup>o</sup> Histoire chinoise. Saigon, 1876.
- Mẹo luật dạy học tiếng pha-lang-sa. [Règles pour étudier la langue française.] Saigon, 1872.
- Miscellanées ou lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales et cantonales. Saigon, 1888-1889, 12 fasc. en 1 vol.
- Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine . 1<sup>e</sup> édition. Saigon, 1875.
- Petit dictionnaire français-annamite. Saigon, 1984.
- Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs. (Conférence faite au Collège des Interprètes). Saigon, 1885.
- Thanh suy bỉ thói phú. Caprices de la Fortune. Saigon, 1883.
- Thầy trò về luật mẹo léo lắt tiếng pha-lang-sa. [Maîtres et élèves sur la grammaire de la langue française.] 2<sup>e</sup> éd. Saigon, 1883
- Ước lược truyện tích nước Annam. Résumé sommaire de la chronologie, de l'histoire et des productions de l'annam, avec tableaux synoptiques. Saigon, 1887.
- Vocabulaire annamite français. Saigon, 1887.
- Ed. Chiểu (nguyễn Đình). Lục Vân Tiên
- Ed. Cổ Gia Định phong cảnh vịnh
- Ed. Du (Nguyễn) Kim Vân Kiều truyện.
- Ed. Gia Huấn ca
- Ed. Kim Gia Định phong cảnh vịnh
- Ed. Lục súc tranh công. Dispute de mérites entre les six animaux domestiques.

- Trad. Minh tâm bửu giám
- Ed. Nữ Tắc
- Ed. Phan Trần Truyện
- Ed. et trad. sseu-chou
- Ed. thơ dạy làm dâu
- Ed. Trung (Đặng Huỳnh) Huấn nữ ca
- Ed. Trương Lương từng xích tòng tử du phú.
- Ed. Trương-lưu-hầu phú
- Ed. et trad. Wang Pe-Heou. Tsan King.

## **B. THƯ VIỆN QUỐC GIA PHÁP**

(Catalogue du fonds vietnamien 1890-1921)

- Abrégé de grammaire annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký. - Saigon: Impr. Impériale, 1867. - 131p; 25cm. La p. de titre porte: Sách mẹo annam.
- Bài hịch con quạ = Proscription des corbeaux / P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra chữ quốc ngữ dẫn giải cắt nghĩa. Saigon: bản in Guiland et Martinon, 1883. - 7p.; 24cm.
- Cours pratique de langue annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: Impr. Impériale, 1868. - 69p.; 21cm.
- Dictionnaire français annamite = Tự vị pha-lang-sa giải nghĩa ra tiếng annam / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. du gouvernement, 1878. -288p; 27cm.
- Dư đồ thuyết lược = Précis de géographie / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. de la Mission, 1887. - 116p., [6] cartes en coul. ; 20cm. Texte en vietnamien seul. La couv. porte: 與圖說略
- Đại Nam Cuốc sử kí diễn ca / transcrit en quốc ngữ pour la première fois / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký. - Saigon : bản in nhà nước, 1875. (58 trang; 20 cm.)
- Grammaire de la langue annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: C. Guiland et Martinon, 1883. - 304p; 24cm
- Học trò khó phú = Un lettré pauvre. Saigon: Bản in Guiland et Martinon, 1883 . - 6p.; 23cm
- Huấn môn khúc ca: sách dạy trẻ nhỏ học chữ nhu ... par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. de la Mission, 1884 . - 47p.; 24cm. Texte en vietnamien seul. La page de titre porte: 訓蒙曲歌.
- Kim Vân Kiều truyện = Poèmes populaires annamites transcrits en quốc ngữ ... / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. A. Bock, 1889. - 136p.; 16cm. La couv. porte: 1890.
- L'Invariable millieu / transcrit en caractères latins et trad. en annamite / par Petrus Ký. Saigon: Collège des stagiaires, 1875. - 205p.; 33cm. Texte en chinois et en vietnamien.
- Lê Ngô Cát. Phạm Đình Toái.
- Lục súc. Les six animaux domestiques / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. de la Mission, 1887. - 22p. ; 25cm.
- Lục Vân Tiên truyện = Poème populaire annamite / transcrit en quốc ngữ, précédés d'un résumé analytique ... / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký -4e éd. rev. corr. et aug ... - Saigon: Claude et Cie. 1897. - 99p.; 16cm. La couv. porte: 1890.
- Mẹo luật dạy học tiếng pha-lang-sa: tóm lại văn vấn để dạy học trò mới nhập trường .../par P.J.B. Trương Vĩnh Ký 1- Saigon: bản in nhà nước, 1867.(56 trang; 23 cm.)  
2- Paris: Challamel Ainé, 1872 .(56 trang; 25 cm.)

- Nữ tặc = Devoirs des filles et des femmes / P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải. - Saigon: Impr. F.H. Schneider, 1911. (27 trang; 21 cm.)
- Ngư tiều trượng điếu = Pêcheur le bucheron / P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ .. - Saigon: Impr. de la Mission, 1887, - 8 p.; 24 cm.
- Petit dictionnaire français–annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr.de la Mission, 1884 . – 1192 p.; 20 cm.
- Petit dictionnaire français-annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Nouv. éd. Saigon: Impr. de l'union Nguyễn Văn Cửa, ill. 1- 1920; 20cm. contient des ill. extraites du Petit Larousse illustré. 2- 1924. - 18 cm. Mêmes remarques.
- Poème Kim Vân Kiều truyện : transcrit pour la première fois en quốc ngữ avec des notes explicatives ... par P.J.B. Trương Vĩnh Ký. - Sai gon: bản in nhà nước, 1875. - 179p.; 19cm.
- Tam tự kinh quốc ngữ diễn ca = Le Tam Tự kinh / transcrit et traduit en prose et en vers annamites [par] / P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: Impr. C. Guillard et Martinon, 1884.- 47p.; 24 cm. Contient le texte en chinois.
- Thanh suy bỉ thói phú = Caprices de la fortune / [Ed.] P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: bản in Guillard et Martinon, 1883. - 7p.; 23 cm.
- Truyện chơi văn chương = Chrestomathie cochinchinoise: recueil de textes annamites publiés traduits et transcrits en caractères figuratifs, 1<sup>er</sup> fasc. par Abel Des Michels . - Paris: Maisonneuve, pagination multiple; 25 cm. Texte en vietnamien suivi de la traduction française et de la transcription en nô. La couv. Porte: 傳制文章.
- Truyện đời xưa = Fables et légendes annamites encore inédites / publ. par Đinh Thái Sơn. - In lần thứ hai. - Saigon: Impr: Nam Tài, 1906. - 100p; 19cm. La page de titre porte: 傳代初. Texte en vietnamien seul.
- Trương Lương tòng Xích Tông Tử du phú = Retraite et apothéose de Trương Lương / P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải. - Saigon: Impr. Nhà hàng C.Guillard et Martinon, 1881. - 7p.; 24cm.
- Voyage au Tonkin en 1876 = Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876) / P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: Nhà hàng C .Guillard et Martinon, 1881. -32p.; 25cm.. Texte en vietnamien seul. La couverture porte 自述往北圻傳.

### **C. Bulletin de la Société des Études Indochinoises de Saigon**

[AS 492 S3 n.s. v.9 n<sup>o</sup> 3]

- Institutions et mœurs annamites. *Philosophie positive*. Nov. déc. 1879, 401-413 ; janv. février 1880, 117-127 ; mars, avril 1880, 256-272.
- Voyage au Tonkin en 1876. Chuyến đi Bắc-kỳ năm Ất-hợi (1876), broch. in-8, 32 p. Saigon, imp. Guillard et Martinon, 1881.
- Bất cượng chớ cượng làm chi. Fais ce que dois, advienne que pourra. Broch. in-8, 8 p. 1882.
- Kiếp phong trần. – Événement de la vie, broch. in-8, 10 p. 1882.
- Guide de la conversation annamite. Sách tập nói chuyện Annam và tiếng Langsa, broch. in-8, 118 p. 1882.
- Thầy trò về luật mẹo léo lắt tiếng Phalangsa, maître et élève sur la grammaire de la langue Française, broch. in-8, 24 p. 1883.
- Phép lịch sự Annam. Les convenances et les civilités annamites, broch. in-8, 52 p. 1883.
- Chuyện khôi hài. Passe-temps, broch. in-8, 16 p. 1882.

- Chuyện đời xưa lựa nhóm lấy những chuyện hay và có ích. Contes annamites 3<sup>e</sup> édition, broch. in-8, 66 p. 1883.
- Grammaire de la langue annamite. 1 vol. in-8, 304 p. 1884 ; imprimerie Guillard et Martinon. 2<sup>e</sup> Edition de poèmes annamites avec notes en annamite.
- Trương lương tòng xích tòng tử du phú. Retraite et apothéose de Trương lương, 8 p. in-8, 1881.
- Trương lưu hầu phú. Apologie de Trương lương. 18 p. in-8, 1882.
- Học trò khó phú. Un lettré pauvre. 6 p. in-8, 1883.
- Thạnh suy bã thời phú. Caprice de la fortune, 8 p. in-8, 1883.
- Bài hịch con quạ. Proscription des corbeaux. 8 p. in-8, 1883.
- Cổ Gia đình phong vịnh Gia đình thất thủ vịnh. Saigon d'autrefois, 14 p. in-8, 1882.
- Kim Gia đình phong vịnh. Saigon d'aujourd'hui, 12 p. in-8, 1882.
- Nữ tác. Devoirs des filles et des femmes, 28 p. in-8, 1882.
- Thơ mẹ dạy con. Une mère à sa fille, 12 p. in-8, 1882.
- Thơ dạy làm. La bru, 14 p. in-8, 1882.
- Huấn nữ ca của Đặng huỳnh Trung làm. Défauts et qualités des filles et des femmes (par Dang huynh Trung) 36 p. in-8, 1882.
- Gia huấn ca. École domestique. Un père à ses enfants, 44 p. in-8, 1883.
- Tableaux alphabétiques. – Contes annamites. Saigon, imp. Guillard 1883, broch. in-8.
- Le Tam tu kinh. traduction, 1 vol. in-8, novembre 1884, Saigon.
- Huấn môn khúc ca. 1 vol. in-8, novembre 1884, Saigon.
- Mắc bệnh cúm từ. 1 broch. in-8, Saigon, 1885.
- Ngư tiều trượng điếu (Pêcheur et bûcheron), 1 broch. in-8, Saigon, 1885.
- Saigon et ses environs, 1 broch. in-8, Saigon, 1885. E.R. x 5 – 33.
- Morale en actions. Phong hoá điều hành. 1 broch. in-8, 1885, Saigon.
- Dictionnaire Français-Annamite. 1 vol. in-8, 1885, Saigon.
- Lục súc. Les animaux domestiques. 1 broch. in-8, Saigon, 1885.
- Dispute de mérite entr les six animaux domestiques. 1 broch. in-8, Saigon, 1887.

## IV. PHỤ LỤC



### 1. Trường tôi

Vào đầu thập niên 50, trong giờ Vietnamien, tại lớp 4<sup>e</sup> année A, Lycée Pétrus Ký, thầy Ưng Thiều 膺詔, có làm bài tuyệt cú sau đây trong lúc dạy luật thơ. Chúng tôi thêm phần chữ Nôm. Bài thơ *bốn câu ba vắn* theo *luật bằng* và gieo vần « i » :

1 2 3 4 5 6 7  
B B T T T B B  
T T B B T T B  
T T B B B T T  
B B T T T B B

*Trường tôi ở tại lồi Nancy*  
*Trung học đường kia có bảng ghi*  
*Mượn hiệu người xưa Trương Vĩnh Ký*  
*Lấy lừng danh tiếng đã bao thì.*

Các chữ số 2, 4, 6 và 7 trong bốn câu phải theo đúng luật *bằng trắc*.

Trường tôi	場碎
Trường tôi ở tại lồi Nancy	場碎於在壩能蚩
Trung học đường kia có bảng ghi	中學堂箕固版箆
Mượn hiệu người xưa Trương Vĩnh Ký	撓號馱初張永記
Lấy lừng danh tiếng đã bao thì.	扎淩名嗜匍包岢

### 2. Khổng Mạnh cương thường.

Cổng trường trung học Trương Vĩnh Ký tại Sài-gòn có câu đối, hai vế, mỗi vế bảy chữ.

Từ ngoài nhìn vào, *vế trắc* bên tay phải, *vế bằng* ở bên kia.

Vế trắc : *Khổng Mạnh cương thường tu khắc cốt*

Vế bằng : *Tây Âu khoa học yếu minh tâm*

孔孟綱常須刻骨  
西歐科學要銘心

Trong hai vế, mỗi vế chia làm bốn đoạn đối nhau rất chỉnh.

Câu đối do Thầy Ưng Thiều đề nghị và ông Hiệu trưởng Phạm Văn Cồn chọn.

Từ ngày nước mất nhà tan, *trường tôi* cũng chung số phận, câu đối trên đây không còn nữa !

### 3. Trương Vĩnh Ký và tiếng Latin.

Nhà bác học họ Trương thông thạo nhiều sinh và cổ ngữ. Được các cố đạo Tây phương nuôi dạy nơi sơ tu viện Cái Nhum (Nam kỳ) kế đó qua Pinhalu (Cao Miên) rồi qua học nơi cơ quan truyền giáo ở Poulo Pinang (Malacca), Trương Vĩnh Ký nói tiếng Latin, ngôn ngữ của Nhà thờ, trước khi nói tiếng Pháp. Từ ngữ và văn phạm Latin của ông rất hoàn chỉnh. Ông có trao đổi thư

từ bằng Latin với Paul Bert, Pène Siefert, Albert Kaempfen, và Chavanne... Chúng tôi trích sau đây bức thơ gửi Đại biểu Chavanne, lấy từ Bulletin de la Société des Études Indochinoises de Saigon. AS 492 S3 n.s. v.9 n° 3.

A M. D<sup>r</sup> Chavanne Député, Paris, 8 Avril 1887

Doctissime Dne,

Me maxime gaudio afficiunt tuæ litteræ utpote quæ ex abundantia cordis sinceri procedant. Eo magis mihi præciosæ sunt quo minus dignum adeunt. Per illas bonum nuntium de nostro amico accipio, præsertim de suo itinere ad nos redituri salutem regno annamitico afferentis. Utinam ratem omnem servet. Regi nostro homo homini Deus erit.

Mihi autem si aridente fortunâ acciderit ut regem comiter in Galliam, maximæ lætitiæ erit occasio.

Per eam enim cum summâ voluptate, hunc mundi augustissimam Lutetias urbem, quam visitare mihi datum fuit anno 1883, et illustrissimis doctissimisque occurram amicis quos non nisi litteræ ac scientiæ mihi paruerunt. Istinc redituro ex optimâ scholâ majora experimenta, melioresque cognitiones addentur. Me nunc leonem annis defectum viribusque desertum non amplius tentant honores. Vita solitaria cum libris maximopere placet cursus rerum spectatori in vespere dierum meorum.

Homo quidem proponit, Deus autem disponit 人願如此如此天理未然未然。

Many things chance between the cup and the lip. Inter os atque offam multa interveniunt. Nemini omnia prospere cedunt nec quadrata currunt. Nihil tamen est impossibile. Sicque cum dulci spe tibi occurrendi uno die, vale atque iterum vale, mementoque tui toti.

P.T.V.K

*Lê Văn Đăng*

*trong Nhóm Văn Học Chữ Nôm*

*Hải Biên, 2000-2005-2012*

